

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH VĨNH PHÚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:02/2017/HC-PT

Ngày 23 tháng 3 năm 2017

V/v: “Yêu cầu hủy quyết định hành
chính về giải quyết khiếu nại”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH PHÚC

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Trần Văn Chung;

Các Thẩm phán: Ông Lê Duy Giá và bà Dương Thị Tuyết;

Thư ký phiên toà: Bà Triệu Mỹ Linh - Cán bộ Toà án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc: Bà Nguyễn Thị Đào Hoa -
Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 3 năm 2017, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc xét xử
phúc thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án hành chính thụ lý số:
10/2016/TLPT- HC ngày 19 tháng 10 năm 2016.

Do bản án hành chính sơ thẩm số 02/2016/HC-ST ngày 09 tháng 9 năm 2016
về việc “Yêu cầu hủy quyết định hành chính về giải quyết khiếu nại” của Tòa án nhân
dân huyện B bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2016/QĐ-PT ngày 13 tháng 12 năm
2016 giữa:

Người khởi kiện:

1/ Hộ gia đình ông Trần Xuân T.

Người đại diện hợp pháp của người khởi kiện: Ông Trần Xuân T, sinh năm
1961, là chủ hộ gia đình.

Trú tại: Tổ dân phố C, thị trấn H, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc, (có mặt);

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Tình là bà Lê Thị Oanh, Luật
sư, Văn phòng luật sư Huỳnh Nam - Đoàn luật sư thành phố Hà Nội; địa chỉ: Số 62,
phố Vĩnh Phúc, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội, (có mặt);

2/ Hộ gia đình ông Đỗ Khắc Th (Thực).

Người đại diện hợp pháp của người khởi kiện: Ông Đỗ Khắc Th, sinh năm
1963, là chủ hộ gia đình.

Trú tại: Tổ dân phố N, thị trấn H, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc.

3/ Hộ gia đình ông Nguyễn Hữu Tr.

Người đại diện hợp pháp của người khởi kiện: Ông Nguyễn Hữu Tr, sinh năm 1968, là chủ hộ gia đình.

Trú tại: Tổ dân phố N, thị trấn H, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc.

4/ Hộ gia đình ông Trần Xuân B.

Người đại diện hợp pháp của người khởi kiện: Ông Trần Xuân B, sinh năm 1953, là chủ hộ gia đình.

Trú tại: Tổ dân phố N, thị trấn H, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc.

5/ Hộ gia đình ông Nguyễn Văn B.

Người đại diện hợp pháp của người khởi kiện: Ông Nguyễn Văn B, sinh năm 1959, là chủ hộ gia đình.

Trú tại: Tổ dân phố N, thị trấn H, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Th, ông Tr, ông B, ông B là ông Trần Xuân T, sinh năm 1961; trú tại: Tổ dân phố C, thị trấn H, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc (Văn bản ủy quyền ngày 05 tháng 7 năm 2016), (có mặt);

Người bị kiện: Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B.

Địa chỉ: Thị trấn H, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc;

Người đại diện theo pháp luật của người bị kiện: Ông Nguyễn Tuấn A - Chức vụ: Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc;

Người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện: Ông Nguyễn Tuấn H - Chức vụ: Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B (Văn bản ủy quyền các số: 685, 684, 683, 682 và số 681 ngày 08/7/2016), (có mặt);

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện là ông Vũ Trường Hùng, Luật sư - Công ty Luật Trách nhiệm hữu hạn Bình Minh; địa chỉ: Số 39, phố Phan Văn Chác, khu đô thị Chùa Hà Tiên, thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc, (có mặt);

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

- Ủy ban nhân dân thị trấn H.

Địa chỉ: Thị trấn H, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Đức H - Chức vụ: Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị trấn H (có mặt);

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị trấn H.

Địa chỉ: Thị trấn H, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc,

Người đại diện theo ủy quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị trấn H là ông Nguyễn Văn D – Chức vụ: Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị trấn H (Văn bản ủy quyền ngày 22/2/2017) (có mặt);

- Ông Nguyễn Văn Th, sinh năm 1961;

Địa chỉ: Tổ dân phố C, Thị trấn H, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc *Người kháng cáo:*
Các ông Trần Xuân T, Đỗ Khắc Th, Nguyễn Hữu Tr, ông Trần Xuân B và ông Nguyễn Văn B.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 20 tháng 12 năm 2015 và các lời khai tiếp theo, người khởi kiện là các hộ gia đình ông Trần Xuân T, Đỗ Khắc Th, Nguyễn Hữu Tr, ông Trần Xuân B và ông Nguyễn Văn B trình bày:

Hộ ông Trần Xuân T do ông Tỉnh chủ hộ trình bày: Năm 1988 gia đình ông được Hợp tác xã Nông Nghiệp Hương Ngọc (gọi tắt là Hợp tác xã) cấp 984m² đất canh tác, quỹ đất I (cây 01 vụ chiêm), tại xứ đồng H, thị trấn H. Khi cấp không có quyết định giao đất mà chỉ có tên và số diện tích trong sổ quản lý ruộng đất của Hợp tác xã. Sau khi được cấp gia đình ông canh tác nộp thuế và các khoản dịch vụ khác đầy đủ, đến vụ chiêm năm 1995 gia đình ông báo cáo ông đội trưởng và Ban quản lý Hợp tác xã yêu cầu đổi ruộng ra chỗ khác vì diện tích đất này bị ảnh hưởng khối lò gạch ngói, canh tác không hiệu quả, cấy nhưng không được thu hoạch. Tuy nhiên, ông đội trưởng và Hợp tác xã trả lời là không có ruộng chỗ khác để đổi. Do không có ruộng để đổi nên gia đình ông có nhờ Hợp tác xã tạm thời quản lý hộ, Hợp tác xã đồng ý và ông Đỗ Viết N Chủ nhiệm Hợp tác xã khi đó nói với gia đình ông khi nào cần Hợp tác xã sẽ trả lại nhưng chỉ nói bằng miệng, sau đó gia đình ông không canh tác nữa và cũng không nộp thuế từ đó đến nay.

Đến năm 2002-2003 gia đình ông có gửi đơn đến Hợp tác xã đòi lại đất canh tác thì mới biết đất này đã được Hợp tác xã cho hộ ông Nguyễn Văn Thường đầu thầu từ tháng 11/1995 và thời hạn đến năm 2010 thì mới kết thúc, sau đó các hộ được biết Ủy ban nhân dân thị trấn tiếp tục cho hộ ông Thường thuê thầu đến năm 2016.

Nay hộ gia đình ông có nguyện vọng muốn có ruộng canh tác nên có đơn đề nghị các cấp chính quyền xem xét, trả lại diện tích đất của gia đình được cấp trước đây tuy nhiên chính quyền không trả lại.

Do đó ông khởi kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B ra Tòa án, đề nghị hủy Quyết định giải quyết khiếu nại số 3038/QĐ-CTUBND ngày 20/9/2013 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B. Ngoài ra, đề nghị hủy Quyết định giải quyết khiếu nại số 12/QĐ-UBND ngày 17/01/2013 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị trấn H và Công văn số 129/HC-UBND ngày 31/10/2012 của Ủy ban nhân dân thị trấn H để xem xét trả diện tích đất ruộng gia đình ông được cấp trước đây.

Các hộ gia đình ông Đỗ Khắc Th, ông Nguyễn Hữu Tr, ông Trần Xuân B và ông Nguyễn Văn B trình bày: Năm 1988, hộ gia đình ông Th được Hợp tác xã cấp 1.128m² đất canh tác, tại xứ đồng H, thị trấn H; hộ gia đình ông Trí được Hợp tác xã

cấp 1.032m² đất canh tác, tại xứ đồng H, thị trấn H; gia đình ông B được Hợp tác xã cấp 1.128m² đất canh tác, tại xứ đồng H, thị trấn H; gia đình ông B được Hợp tác xã cấp 552m² đất canh tác, tại xứ đồng L, thị trấn H, các diện tích đất trên là quỹ đất I (cây 01 vụ chiêm). Các hộ gia đình ông Th, ông Tr, ông B và ông B giống như nhiều hộ dân khác khi được cấp ruộng canh tác đều không có quyết định giao đất mà tất cả chỉ có tên và số diện tích trong sổ quản lý ruộng đất của Hợp tác xã. Sau khi được cấp các hộ gia đình đều canh tác nộp thuế và các khoản dịch vụ khác đầy đủ, đến vụ chiêm năm 1995 (tháng 7 năm 1995) các hộ gia đình cùng báo cáo ông đội trưởng và Ban quản lý Hợp tác xã yêu cầu đổi ruộng ra chỗ khác vì diện tích đất này bị ảnh hưởng khối lò gạch ngói, canh tác không hiệu quả, cấy nhiều vụ nhưng không được thu hoạch gì. Tuy nhiên ông đội trưởng và Hợp tác xã trả lời là không có ruộng chỗ khác để đổi. Do không có ruộng để đổi nên các gia đình có nhờ Hợp tác xã tạm thời quản lý hộ, Hợp tác xã đồng ý và ông Đỗ Viết N Chủ nhiệm Hợp tác xã khi đó nói với các hộ gia đình khi nào cần Hợp tác xã sẽ trả lại nhưng chỉ nói bằng miệng, sau đó các hộ gia đình không canh tác nữa và cũng không nộp thuế từ đó đến nay.

Đến năm 2002-2003 các hộ gia đình cùng có đơn gửi Hợp tác xã để đòi lại đất canh tác thì mới biết đất này đã được Hợp tác xã cho hộ ông Nguyễn Văn Th đầu thầu từ tháng 11/1995 và thời hạn đến năm 2010 thì mới kết thúc, sau đó các hộ được biết Ủy ban nhân dân thị trấn tiếp tục cho hộ ông Th thuê thầu đến năm 2016.

Nay các hộ gia đình có nguyện vọng muốn có ruộng canh tác nên có đơn đề nghị các cấp chính quyền xem xét, trả lại diện tích đất của các hộ được cấp trước đây tuy nhiên chính quyền không trả lại đất ruộng cho các hộ.

Vì vậy, các hộ khởi kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B, đề nghị Tòa án hủy Quyết định số 3038/QĐ-CTUBND ngày 20/9/2013 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Bình Xuyên. Ngoài ra đề nghị hủy Quyết định giải quyết khiếu nại số 12/QĐ-UBND ngày 17/01/2013 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị trấn H và Công văn số 129/HC-UBND ngày 31/10/2012 của Ủy ban nhân dân thị trấn H để xem xét trả diện tích đất ruộng các hộ gia đình được cấp trước đây.

Người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện là ông Nguyễn Tiến H: trình bày: Các hộ gia đình ông Trần Xuân T, ông Đỗ Khắc Th, ông Nguyễn Hữu Tr, ông Trần Xuân B và ông Nguyễn Văn B khởi kiện đề nghị Tòa án hủy Quyết định số 3038/QĐ-CTUBND ngày 20/9/2013 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B. Ngoài ra đề nghị hủy Quyết định giải quyết khiếu nại số 12/QĐ-UBND ngày 17/01/2013 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị trấn H và Công văn số 129/HC-UBND ngày 31/10/2012 của Ủy ban nhân dân thị trấn Hương Canh để xem xét trả diện tích đất ruộng các hộ gia đình được cấp trước đây. Quan điểm của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B không đồng ý, đề nghị giữ nguyên các quyết định hành chính bởi lẽ:

- Về trình tự, thủ tục, thẩm quyền, thời hạn thể thức ban hành các quyết định hành chính: Tuy có một số thiếu sót nhất định nhưng chỉ là về trình tự, thủ tục không ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của các hộ dân.

- Về nội dung giải quyết việc khiếu nại: Sau khi hộ gia đình ông Tình và 04 hộ gia đình ông Th, ông Tr, ông B và ông B có đơn đề nghị tìm lại đất nông nghiệp tại xứ đồng H, Lồng T - Thị trấn H, Ủy ban nhân dân thị trấn H tiến hành kiểm tra, xác minh nguồn gốc, quá trình sử dụng và sau đó ban hành Công văn số 129/HC-UBND ngày 31/10/2012 trả lời việc các hộ dân đề nghị tìm lại đất nông nghiệp tại xứ đồng H, Lồng T là không có căn cứ để xem xét giải quyết. Không đồng ý các hộ dân tiếp tục khiếu nại, sau đó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị trấn H giải quyết khiếu nại lần đầu bằng Quyết định số 12/QĐ-UBND ngày 17/01/2013 và Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B giải quyết khiếu nại lần 2 bằng Quyết định số 3038/QĐ-CTUBND ngày 20/9/2013.

Quá trình giải quyết khiếu nại lần 1 và lần 2, các cơ quan chức năng tiến hành xác minh, làm rõ nguồn gốc quá trình quản lý, sử dụng ruộng canh tác của các hộ dân; xác minh thu thập hồ sơ, sổ sách lưu trữ, làm việc với các tổ chức, cá nhân liên quan nhưng không có cơ sở giải quyết trả lại đất cho các hộ dân. Việc giải quyết đảm bảo đúng quy định pháp luật.

Người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Ủy ban nhân dân thị trấn H và Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị trấn H là ông Nguyễn Văn D quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị trấn H là ông Nguyễn Đức H trình bày: Diện tích đất 11.837m² ở xứ đồng H, Lồng T là đất nông nghiệp quỹ 1, được Hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp Hương Ngọc giao cho 17 hộ gia đình. Các hộ sử dụng đến tháng 7/1995 thì không sử dụng nữa và giao lại cho Hợp tác xã Hương Ngọc. Từ 20/11/1995 đến nay Hợp tác xã Hương Ngọc và Ủy ban nhân dân thị trấn giao diện tích đất trên cho ông Nguyễn Văn Th nhận thầu khoán. Nguyên nhân là do ảnh hưởng của khói lò nôi, các hộ làm không có thu hoạch nên báo cáo Hợp tác xã Hương Ngọc chia ruộng chỗ khác, nếu không thì nhờ Hợp tác xã tạm thời quản lý. Từ tháng 7/1995 về trước, các hộ nộp thuế đầy đủ. Từ tháng 11/1995 đến nay các hộ không nộp thuế đối với diện tích đất này. Năm 2000 các hộ kê khai đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không kê khai đối với diện tích đất nông nghiệp ở xứ đồng H, Lồng T mà các hộ đang đi đòi.

Trong sổ theo dõi diện tích đất nông nghiệp của các hộ, không có diện tích đất nông nghiệp mà 17 hộ đang có đơn tìm lại. Tại danh sách tổng hợp, hợp đồng đất quỹ II, Ủy ban nhân dân thị trấn H lập năm 2004 để theo dõi diện tích giao thầu từ năm 2004 – 2009 thể hiện diện tích 10.800m² đất nông nghiệp ở xứ đồng H, Lồng T giao khoán cho hộ gia đình ông Nguyễn Văn Th ở tổ dân phố C.

Từ khi Hợp tác xã Hương Ngọc cắt điều chỉnh ruộng của 17 hộ đưa vào quản lý, giao khoán cho ông Th, các hộ đều biết nhưng không có ý kiến đòi lại. Nay các hộ có đơn yêu cầu hủy các quyết định hành chính, quan điểm của Ủy ban nhân dân thị trấn H, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị trấn H giữ nguyên Quyết định số 12 ngày 17/1/2013 về việc giải quyết khiếu nại của 17 hộ đối với Công văn số 129 ngày 31/10/2012.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn Th trình bày: Năm 1995 ông có ký hợp đồng giao thuê 10.800m² đất canh tác với Hợp tác xã nông nghiệp Hương Ngọc, sau đó cứ 5 năm lại ký lại hợp đồng với hợp tác xã, năm 2000 diện tích đất này chuyển cho Ủy ban nhân dân thị trấn quản lý và ông ký hợp đồng với Ủy ban thị trấn. Từ khi ký hợp đồng ông canh tác đầu tư và sản xuất trên diện tích đã thuê và thực hiện đầy đủ nghĩa vụ với Nhà nước. Khi ông thuê diện tích đất này bỏ hoang, cỏ mọc nhiều ông đã phải đầu tư công sức rất nhiều, đào đắp bờ vùng, cải tạo đất mới được như ngày hôm nay. Việc các hộ ông T, ông Th, ông B, ông B, ông Tr khởi kiện yêu cầu hủy Quyết định hành chính của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện và yêu cầu Ủy ban trả đất canh tác là việc của các hộ dân với Ủy ban không liên quan đến ông. Tuy nhiên nếu Ủy ban trả ruộng cho các hộ dân phải bồi thường cho ông công cải tạo đất.

Với nội dung trên, tại bản án số: 02/2016/HC-ST ngày 09 tháng 9 năm 2016, về việc “Yêu cầu hủy quyết định hành chính về giải quyết khiếu nại” của Tòa án nhân dân huyện Bình Xuyên đã áp dụng các Điều 193, 347 và 348 Luật tố tụng hành chính; Pháp lệnh về án phí, lệ phí Tòa án:

Bác yêu cầu khởi kiện của các hộ gia đình gồm hộ ông Trần Xuân T, hộ ông Đỗ Khắc Th (Th), hộ ông Nguyễn Hữu Tr, hộ ông Trần Xuân B và hộ ông Nguyễn Văn B về việc yêu cầu hủy Quyết định giải quyết khiếu nại số: 3038/QĐ - CT ngày 20 tháng 9 năm 2013 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B giải quyết khiếu nại của hộ ông Nguyễn Văn L đại diện cho 16 hộ gia đình cá nhân ở Tổ dân phố N, thị trấn H đối với Quyết định số 12/QĐ-UBND ngày 17/01/2013 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị trấn H.

Bản án sơ thẩm còn giải quyết về án phí, tuyên quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 09 tháng 9 năm 2017, ông Trần Xuân T, ông Đỗ Khắc Th, ông Nguyễn Hữu Tr, ông Trần Xuân B và ông Nguyễn Văn B kháng cáo toàn bộ bản án, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm hủy hoặc sửa bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người khởi kiện vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu kháng cáo và không xuất trình thêm tài liệu, chứng cứ mới.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc phát biểu về việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán trong giai đoạn chuẩn bị xét xử phúc thẩm đã vi phạm về thời hạn chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát; không gửi quyết định hoãn phiên tòa theo quy định, những thiếu sót vi phạm này Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc đã có văn bản kiến nghị. Việc chấp hành pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và của các bên đương sự tại phiên tòa phúc thẩm được đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Về nội dung kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Hộ ông Trần Xuân Tình và 04 hộ dân gồm hộ ông Đỗ Khắc Th, ông Nguyễn Hữu Tr, ông Trần Xuân B và ông Nguyễn Văn B khởi kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Bình X đề nghị hủy quyết định 3038/QĐ-CTUBND ngày 20/9/2013 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B. Ngoài ra, đề nghị hủy Quyết định giải quyết khiếu nại số 12/QĐ-UBND ngày 17/01/2013 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị trấn Hương Canh và Công văn số 129/HC-UBND ngày 31/10/2012 của Ủy ban nhân dân thị trấn Hương Canh, để xem xét trả diện tích đất ruộng gia đình ông được cấp trước đây vì cho rằng Quyết định này có nhiều vi phạm cả về trình tự, thủ tục ban hành cũng như về nội dung làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của các hộ dân. Để xem xét giải quyết đối với yêu cầu hủy Quyết định 3038/QĐ-CTUBND ngày 20/9/2013 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B, Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét lại về trình tự, thủ tục và nội dung của Quyết định giải quyết khiếu nại số 12/QĐ-UBND ngày 17/01/2013 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị trấn H và Công văn số 129/HC-UBND ngày 31/10/2012 của Ủy ban nhân dân thị trấn H là phù hợp quy định của pháp luật.

Xét về trình tự, thủ tục, thẩm quyền, căn cứ ban hành các Quyết định hành chính gồm: Quyết định 3038/QĐ-CTUBND ngày 20/9/2013 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Bình Xuyên; Quyết định giải quyết khiếu nại số 12/QĐ-UBND ngày 17/01/2013 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị trấn H và Công văn số 129/HC-UBND ngày 31/10/2012 của Ủy ban nhân dân thị trấn H, mặc dù chưa tuân thủ theo đúng quy định của Luật khiếu nại và Luật đất đai như bên người bị kiện đã thừa nhận, cũng như Tòa án cấp sơ thẩm đã nhận định, nhưng các thiếu sót đó không ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của các hộ dân, do đó Tòa án cấp sơ thẩm đã không hủy bỏ các Quyết định nêu trên là phù hợp với thực tế và pháp luật.

Về nội dung vụ việc, Hội đồng xét xử xét thấy: Đối với diện tích đất nông nghiệp tại xứ đồng H, Lồng T mà hộ ông T và các hộ ông Th, ông Tr, ông B và ông B đề nghị trả lại, đất này có nguồn gốc được Hợp tác xã giao cho các hộ quản lý, canh tác từ những năm 1988, khi giao đất không có quyết định giao đất cụ thể mà chỉ ghi tên và số diện tích trong sổ quản lý ruộng đất của Hợp tác xã. Đến năm 1993 được chia lại theo Nghị định số 64/CP ngày 27/9/1993 và Quyết định 450 của Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Phú (cũ); diện tích đất các hộ được chia là đất quỹ I (một vụ lúa), trong đó hộ ông Tình được giao 984 m² đất, hộ gia đình ông Th được giao 1.128m² đất, hộ gia đình ông Tr được giao 1.032m² đất, hộ gia đình ông B được giao 1.128m² đất, hộ gia đình ông Bãi được giao 552m² đất, nhưng số liệu về diện tích đất là do các hộ tự khai và căn cứ vào bản báo cáo ngày 24/4/2011 của Hợp tác xã. Tuy nhiên về số ô, số thửa cũng như vị trí đất thì không xác định được.

Phía ông T trình bày sau khi các hộ được chia đất năm 1988 và được chia lại năm 1993 theo Quyết định 450 của Ủy ban tỉnh Vĩnh Phú (cũ) hộ ông T và các hộ dân vẫn canh tác và thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ với Nhà nước không có bất kỳ vi phạm gì, đến tháng 7/1995 sau khi gặt xong vụ chiêm các hộ báo cáo Ban quản lý Hợp tác xã đề nghị đổi ruộng chỗ khác nếu không có chỗ khác thì nhờ Hợp tác xã tạm thời quản lý, Hợp tác xã đồng ý và nói với các hộ dân là khi nào cần Hợp tác xã sẽ trả lại (việc này các hộ chỉ lên gặp ông Đỗ Viết N là Chủ nhiệm Hợp tác xã thời kỳ đó và chỉ nói bằng miệng, không lập thành văn bản), lý do các hộ đề nghị như vậy vì các hộ cấy nhưng nhiều năm liền không được thu hoạch do ảnh hưởng của khói lò ngói. Từ tháng 7/1995 trở về trước, các hộ nộp thuế và các loại phí đầy đủ, từ tháng 11/1995 đến nay các hộ không nộp thuế đối với diện tích đất này. Sau khi các hộ dân nhờ Hợp tác xã quản lý hộ diện tích đất canh tác, các hộ không biết là từ khi nào Hợp tác xã cho hộ ông Nguyễn Văn Th ở Tổ dân phố Cửa Đồng đầu thầu và đầu thầu bằng hình thức nào, nhưng trên thực tế các hộ dân có thấy hộ ông Thường cấy lúa và có thả cá trên diện tích ruộng của gia đình ông và các hộ khác. Đến năm 2002 - 2003 các hộ có đơn gửi Hợp tác xã đòi lại đất canh tác thì mới biết đất này đã được Hợp tác xã cho đầu thầu từ tháng 11 năm 1995 và thời hạn đến năm 2010 thì mới kết thúc. Do đó, đến năm 2011 sau rất nhiều lần đề nghị với Hợp tác xã các hộ mới có đơn gửi Ủy ban nhân dân thị trấn Hương Canh đề nghị tìm lại diện tích đất nông nghiệp của các hộ dân để các hộ dân có đất canh tác.

Như vậy, có cơ sở xác định các hộ đã không sử dụng đất nhiều năm. Theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Luật đất đai năm 1993 thì “Nhà nước thu hồi toàn bộ hay một phần đất đã giao khi đất không được sử dụng trong thời hạn 12 tháng liền mà không được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền quyết định giao đất đó cho phép”. Năm 2000, các hộ kê khai để cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nông nghiệp

nhưng không kê khai đối với các thửa đất mà các hộ đang đi khởi kiện. Điều này thể hiện các hộ đã từ bỏ quyền và lợi ích của mình đối với các thửa đất được giao này.

Mặt khác, hồ sơ sổ sách, tài liệu lưu trữ tại Hợp tác xã, Ủy ban nhân dân thị trấn đã thể hiện về thực hiện chủ trương không được bỏ ruộng hoang nên ngày 08/9/1995 và ngày 25/8/1996, Hợp tác xã đã cắt điều chuyển diện tích 11.837m² ở xứ đồng H, Lồng T của 17 hộ trong đó có hộ ông T và 04 hộ dân đang khởi kiện giao cho hộ khác nhận thầu để thu thuế hàng năm. Việc cắt điều chỉnh diện tích đất được thể hiện tại sổ theo dõi diện tích đất nông nghiệp lập từ 1993 và một danh sách cắt bổ sung cho ông Thường lập ngày 25/8/1996, để giảm trừ thuế của các hộ cụ thể: Tại sổ theo dõi diện tích giao đất năm 1993; hộ ông Trần Xuân T ngày 08/9/1995 cắt hết 984m² diện tích được giao ở xứ đồng H; Hộ ông Nguyễn Văn B ngày 10/6/1996 cắt 408m² tại sổ diện tích ở xứ đồng Hùng Viên, còn lại 432 m² chưa cắt, ngày 8/6/1995 cắt tại sổ theo dõi diện tích ở xứ đồng Lồng T 552 m²; hộ ông Trần Xuân B ngày 8/9/1995 đã cắt tại sổ theo dõi diện tích đất ở xứ đồng H 360m² còn lại 768m²; hộ ông Đỗ Khắc Th(Th) ngày 08/9/1995 đã cắt tại sổ theo dõi diện tích đất ở xứ đồng Hùng Viên 1.128m² mặc dù thời điểm giao không được giao; hộ ông Nguyễn Hữu Tr ngày 08/9/1995 đã cắt tại sổ diện tích đất xứ đồng H là 360m², Lồng Th 672m² đã cắt hết diện tích được giao. Đến tháng 10/1995, Hợp tác xã nhận được bảng kê báo cáo diện tích đất ruộng tại xứ đồng Hùng Viên của 15 hộ không sử dụng được vì khối lò do ông Trần Th, đội trưởng đội 10 lập. Trên cơ sở diện tích đã cắt điều chỉnh của 17 hộ, ngày 20/11/1995 Hợp tác xã ký hợp đồng với ông Nguyễn Văn Th để giao thầu diện tích 10.800m²/11.837m² (diện tích còn lại 1.037m² là do những diện tích gần khu dân cư bị lấn chiếm), thời hạn hợp đồng từ vụ chiêm năm 1996 đến vụ chiêm năm 2010. Như vậy, từ thời điểm năm 1988 cho đến khi Hợp tác xã ký hợp đồng giao thầu cho hộ ông Nguyễn Văn Th thì việc giao đất, cắt đất canh tác của hộ ông Tình và các hộ dân đều không có quyết định, chỉ được thể hiện tại sổ giao theo dõi diện tích đất lập năm 1993. Tòa án cấp sơ thẩm nhận định là những hạn chế mang tính lịch sử ở thời điểm những năm 1990 là đúng. Điều này cũng không trái với chủ trương, đường lối của Đảng và Nhà nước về giao, quản lý ruộng đất, không để ruộng đất bỏ hoang. Khoản 5 Điều 26 của Luật đất đai năm 2013 quy định: “Nhà nước không thừa nhận việc đòi lại đất đã được giao theo quy định của Nhà nước cho người khác sử dụng trong quá trình thực hiện chính sách đất đai của Nhà nước Việt Nam dân chủ cộng hòa, Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam và Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam”. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm đã bác yêu cầu khởi kiện của các hộ gia đình gồm hộ ông Trần Xuân T, hộ ông Đỗ Khắc Th, hộ ông Nguyễn Hữu Tr, hộ ông Trần Xuân B và hộ ông Nguyễn Văn B về việc yêu cầu hủy Quyết định giải quyết khiếu nại số: 3038/QĐ - CT ngày 20 tháng 9 năm 2013 của Chủ tịch Ủy ban

nhân dân huyện Bình Xuyên giải quyết khiếu nại của hộ ông Nguyễn Văn L đại diện cho 16 hộ gia đình cá nhân ở Tổ dân phố N, thị trấn H đối với Quyết định số 12/QĐ-UBND ngày 17/01/2013 là đúng quy định của pháp luật. Nội dung kháng cáo của bên khởi kiện và quan điểm của Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Tình không được Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận. Quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bên khởi kiện và giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Bình Xuyên là có căn cứ.

Trong vụ án này, Tòa án cấp sơ thẩm có một số thiếu sót, vi phạm như: Tại trang 2 của Biên bản nghị án có ghi quan hệ pháp luật tranh chấp là “Tranh chấp yêu cầu chia tài sản chung và thừa kế”. Thực tế vụ án được Hội đồng xét xử thảo luận thống nhất là “Tranh chấp về yêu cầu hủy quyết định hành chính về giải quyết khiếu nại”. Ngày 03/10/2017, Hội đồng xét xử sơ thẩm đã báo cáo giải trình về vi phạm này là do nhầm lẫn trong việc đánh máy, soát xét. Mặt khác, Tòa án cấp sơ thẩm có nhận định về Luật đất đai nhưng không ghi Điều luật cụ thể là thiếu sót. Hội đồng xét xử phúc thẩm bổ sung Điều luật và yêu cầu Tòa án cấp sơ thẩm nghiêm túc rút kinh nghiệm các thiếu sót nêu trên.

Về án phí: Ngoài án phí hành chính sơ thẩm đã tuyên các ông Trần Xuân Tình, Đỗ Khắc Th, Nguyễn Hữu Tr, Trần Xuân B và ông Nguyễn Văn B phải chịu án phí hành chính phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên; căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật tổ tụng hành chính.

QUYẾT ĐỊNH:

Giữ nguyên bản án hành chính sơ thẩm số: 02/2016/HC- ST ngày 09 tháng 9 năm 2016 của Tòa án nhân dân huyện B.

Áp dụng các Điều 193, 347 và 348 Luật tổ tụng hành chính; Điều 26 Luật đất đai năm 1993; Điều 26 Luật đất đai năm 2013; Pháp lệnh về án phí, lệ phí Tòa án:

Bác yêu cầu khởi kiện của các hộ gia đình gồm hộ ông Trần Xuân T, hộ ông Đỗ Khắc Th (Th), hộ ông Nguyễn Hữu Tr, hộ ông Trần Xuân B và hộ ông Nguyễn Văn B về việc yêu cầu hủy Quyết định giải quyết khiếu nại số: 3038/QĐ - CT ngày 20 tháng 9 năm 2013 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Bình Xuyên giải quyết khiếu nại của hộ ông Nguyễn Văn L đại diện cho 16 hộ gia đình cá nhân ở Tổ dân phố N, thị trấn H đối với Quyết định số 12/QĐ-UBND ngày 17/01/2013 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị trấn H.

Về án phí hành chính sơ thẩm: Hộ ông Trần Xuân Tình, hộ ông Đỗ Khắc Th (Th), hộ ông Nguyễn Hữu Tr, hộ ông Trần Xuân B và hộ ông Nguyễn Văn B mỗi hộ phải chịu 200.000 đồng án phí sơ thẩm được trừ vào số tiền 200.000 đồng (Hai trăm

ng nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí do ông T, ông Th, ông Tr, ông B, ông B đại diện cho các hộ đã nộp theo các biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2014/0000984 (do ông Tình nộp), số AA/2014/0000983 (do ông Thành nộp), số AA/2014/0000982 (do ông Trí nộp) cùng ngày 14 tháng 01 năm 2016, số AA/2014/0000985 (do ông Bắc nộp) ngày 15 tháng 01 năm 2016, số AA/2014/0000987 (do ông Bãi nộp) ngày 19 tháng 7 năm 2016 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B; các hộ đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

Về án phí hành chính phúc thẩm: Hộ ông Trần Xuân T, hộ ông Đỗ Khắc Th (Thực), hộ ông Nguyễn Hữu Tr, hộ ông Trần Xuân B và hộ ông Nguyễn Văn B mỗi hộ phải chịu 200.000 đồng, được trừ vào số tiền 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí do ông T, ông Th, ông Tr, ông B, ông Bãi đại diện cho các hộ đã nộp theo các biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2014/0001154 ngày 19/9/2016 (do ông Tình nộp), số AA/2014/0001162 ngày 26/9/2016 (do ông Thành nộp), số AA/2014/0001157 ngày 20/9/2016 (do ông Trí nộp), số AA/2014/0001155 (do ông Bắc nộp) ngày 15 tháng 01 năm 2016, số AA/2014/0001160 ngày 23/9/2016 (do ông B nộp) của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B; các hộ đã nộp đủ án phí phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Các Thẩm phán

(Đã ký)

Lê Duy Giá Dương Thị Tuyết

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Trần Văn Chung

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Vĩnh Phúc;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện Bình Xuyên;
- TAND huyện Bình Xuyên;
- Lưu hồ sơ, Tòa hành chính.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trần Văn Chung

